TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ – ST
Ngày 18 tháng 4 năm 2025
"V/v tranh chấp không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Kim Dung.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Hà Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 330/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp không công nhận vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGD ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, (có mặt).

Địa chỉ: Xã TT, thành phố VY, tỉnh VP.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xã TT, thành phố VY, tỉnh VP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về tình cảm: Ông và bà Nguyễn Thị D tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương vào ngày 28/10/1994 (âm lịch), tháng 11/1994 dương lịch. Do bà D đã mang bầu nên hai gia đình tổ chức cưới sớm, thời

điểm đó ông chưa đủ tuổi kết hôn, ông mới hơn 19 tuổi chưa đủ tuổi kết hôn là 20 tuổi theo Luật Hôn nhân gia đình năm 1989. Cưới xong bà D về làm dâu và sống chung cùng gia đình ông tại xã QL, huyện TĐ (nay xã TT, thành phố VY). Ông bà sống với nhau từ khi cưới đến nay, không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Chung sống với nhau được khoảng hơn 10 năm, khi đó các con đã lớn bà D có nói với ông đi đăng ký kết hôn nhưng ông thấy việc đăng ký kết hôn là không cần thiết. Vì trên thực tế ông bà vẫn sống với nhau hòa thuận, vẫn có con chung. Cả hai đều được họ hàng hai bên công nhận. Sau đó bà D không nhắc đến việc đi đăng ký kết hôn nữa.

Quá trình chung sống từ năm 2021 đến nay ông và bà D không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra to tiếng và đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà D.

- Về con chung: Ông và bà D có hai con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 20/5/1994 và cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/5/2000. Hiện các con đã trưởng thành, đã có gia đình riêng và có thể tự túc lo cho bản thân nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, các khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án bà D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 28/10/1994 (âm lịch), vào khoảng tháng 11/1994 dương lịch. Khi cưới ông bà không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Vì tại thời điểm đó ông T mới hơn 19 tuổi, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Ngoài ra, do lúc đó bà đã mang bầu cháu Nguyễn Văn K được vài tháng nên hai gia đình mới thống nhất tổ chức cưới cho ông bà. Cưới xong bà về làm dâu và sống chung cùng gia đình ông T tại thôn Vị trù, xã Quất Lưu, huyện Tam Đảo (nay là thôn Vị Trù, xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên). Sau khi kết hôn được vài năm thì bà có nói với ông T đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nơi ông bà có hộ khẩu thường trú thời điểm đó là xã Quất Lưu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng ông T lần nào cũng trả lời là không cần thiết nên bà cũng đồng ý và ông bà cứ chung sống với nhau như vợ chồng từ đó đến nay.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông T, bà không có ý kiến gì. Vì quá trình chung sống, từ năm 2021 đến nay bà và ông T không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra to tiếng và đã sống ly thân

từ đầu năm 2024 đến nay không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có hai con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 20/5/1994 và cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/5/2000. Hiện các con đã trưởng thành, đã có gia đình riêng và có thể tự túc lo cho bản thân nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, các khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/4/2025, anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1994 là con của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D trình bày:**

Anh là con trai ruột của ông T và bà D. Anh sinh ngày 20/5/1994, hiện tại anh đã kết hôn và đã có gia đình riêng. Anh đang ở cùng bố anh tại thôn Vị Trù, xã TT, thành phố VY, tỉnh VP. Hiện nay bố mẹ anh không còn sống chung một nhà, bố anh vẫn ở thôn Vị Trù, xã Thanh Trù, còn mẹ anh chuyển ra ở riêng từ đầu năm 2024. Từ đó đến nay mẹ anh không quay về ở cùng bố con anh.

Từ khi lớn lên anh có được bố mẹ nói cho biết trước đó hai bên gia đình nội ngoại chỉ tổ chức lễ cưới cho bố mẹ, còn bố mẹ không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban có thẩm quyền. Theo anh được kể lại vì thời điểm đó bố anh chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, mới trên 19 tuổi. Sau này bố mẹ anh có nói với nhau về việc đi đăng ký kết hôn với nhau hay không thì anh không được biết.

Bố mẹ anh có hai con chung là anh và em gái anh là Nguyễn Thị H, sinh năm 2000. Hiện tại anh em anh đều trưởng thành và có gia đình riêng.

Nay bố anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bố mẹ anh là vợ chồng, anh không có ý kiến gì. Vì hiện nay bố mẹ anh sống cũng không có hạnh phúc, mẹ anh đã chuyển ra ngoài sống và không có trách nhiệm gì đối với bố anh. Anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại biên bản xác minh ngày 14/3/2025, UBND xã TT, thành phố VY, tỉnh VP cung cấp:**

Năm 1994 Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn với nhau. Từ đó đến nay ông T, bà D sống với nhau như vợ chồng tại thôn Vị Trù, xã TT, thành phố VY, tỉnh VP.

Quá trình chung sống ông T, bà D có 02 người con là Nguyễn Văn K sinh năm 1994 và Nguyễn Thị H sinh năm 2000 (hiện nay cả hai đều đã trưởng thành).

Nay ông T khởi kiện không công nhận là vợ chồng đối với bà D, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền,Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần, quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, tuyên bố ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D không phải là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Tranh chấp không công nhận vợ chồng" theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn bà Nguyễn Thị D đều có địa chỉ tại: Thôn Vị Trù, xã TT, thành phố VY, tỉnh VP. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D tự tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương vào ngày 28/10/1994 (âm lịch), vào khoảng tháng 11/1994 dương lịch. Sau khi cưới theo phong tục địa phương thì ông T, bà D sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trước khi về chung sống với nhau như vợ chồng thì ông T và bà D đều chưa kết hôn lần nào. Khi đi đăng ký khai sinh cho các con cơ quan có thẩm quyền cũng không yêu cầu đăng ký kết hôn nên ông T và bà D sinh sống bình thường với nhau như vợ chồng. Nhưng từ năm 2021 đến nay ông bà bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra to tiếng và đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống.

- Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T , Hội đồng xét xử xét thấy:

Do vụ án thuộc trường hợp không được hòa giải, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xem xét yêu cầu của các đương sự mà không tiến hành hòa giải.

Xét thấy: Việc sống chung như vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D mà không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên hôn nhân này không hợp pháp. Điều 8 Luật hôn nhân và

gia đình năm 1986 quy định: "*Việc kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định. Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý*" . Căn cứ Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao,Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà D có 02 con chung là anh Nguyễn Văn K, sinh ngày 20/5/1994 và chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/5/2000, nay đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung; các khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Ông T và bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D có 02 con chung là anh Nguyễn Văn K, sinh ngày 20/5/1994 và chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/5/2000. Chị Hiền và anh Kiên đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung; các khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Ông T và bà D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm

nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0006326 ngày 20 tháng 12 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận ông T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Kim Dung **Nguyễn Thị Thanh Mai** **Nguyễn Thị Trang Nhung**